

KẾT QUẢ KHẢO SÁT LƯƠNG CƯ, BÒ SÁT Ở VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA BẠCH MÃ, XÃ HƯƠNG LỘC, HUYỆN NAM ĐÔNG, THỪA THIÊN HUẾ

Võ Đình Ba*, Lê Văn Mạnh, Trần Trọng

Khoa Sinh học, Trường Đại học khoa học, Đại học Huế

*Email: vodinhba@yahoo.com

Ngày nhận bài: 29/6/2018; ngày hoàn thành phần biên: 02/7/2018; ngày duyệt đăng: 10/12/2018

TÓM TẮT

Đợt khảo sát thành phần loài lưỡng cư, bò sát được tiến hành từ ngày 30/4 – 04/5/2016, tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bạch Mã thuộc xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên cơ sở các mẫu vật và dữ liệu thu được, nhóm nghiên cứu đã xác định được 23 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 2 bộ, 10 họ, 21 giống. Trong đó, 12 loài (chiếm 52,17%) được xếp vào các cấp độ bảo tồn khác nhau; ba loài đặc hữu của Việt Nam được ghi nhận tại khu vực khảo sát là cóc máy bụng cam *Leptolalax cf. croceus*, nhái cây bà nà *Kurixalus banaensis* và ếch cây robertinger *Rhacophorus robertingeri*. Kết quả nghiên cứu sẽ là số liệu để tham khảo đánh giá tác động của hoạt động thi công đường cao tốc La Sơn – Túy Loan tới các loài lưỡng cư, bò sát ở khu vực nghiên cứu ở thời điểm hiện tại và về sau.

Từ khóa: Bò sát, lưỡng cư, loài đặc hữu, Nam Đông, Vườn Quốc gia Bạch Mã.

1. MỞ ĐẦU

Xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong những xã thuộc vùng đệm của Vườn Quốc gia (VQG) Bạch Mã (sau đây gọi tắt là Bạch Mã), là một khu vực quan trọng, với chức năng bảo tồn đa dạng sinh học cho vùng lõi của Bạch Mã. Tuy nhiên, dữ liệu về thành phần loài động thực vật ở khu vực này chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về lưỡng cư, bò sát (LCBS) ở Bạch Mã được thực hiện. Từ nhiều nghiên cứu trước đó, Hoàng Xuân Quang và nnk năm 2012 thống kê được 108 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 20 họ, 3 bộ ở Bạch Mã [8], tiếp đó Nguyễn Thành Luân và nnk (2012) đã bổ sung 5 loài cóc máy bụng thuộc giống *Leptolalax*, nâng số loài lưỡng cư ở VQG Bạch Mã lên 51 loài. Tuy nhiên, các đợt khảo sát thực địa trong các công trình trên đều thực hiện tại vùng lõi và khu vực đỉnh Bạch Mã thuộc huyện Phú Lộc, chưa có các nghiên cứu tại khu vực vùng đệm thuộc Nam Đông. Đặc biệt, việc mở tuyến đường cao tốc La Sơn - Túy Loan đi qua vùng lõi Bạch Mã tại Nam Đông tác động đến các sinh cảnh khác nhau trong khu vực

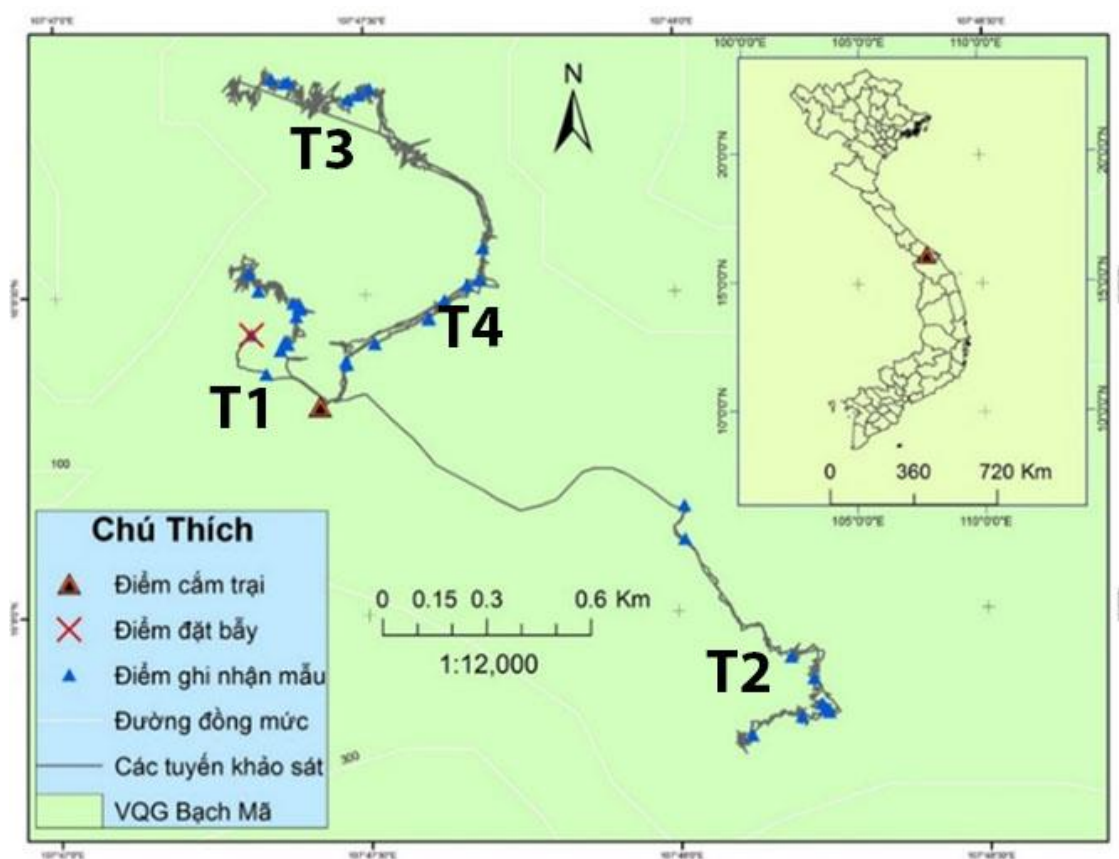
Kết quả khảo sát lưỡng cư, bò sát ở vùng đệm Vườn Quốc gia Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, ...

này, nhiều sinh cảnh có thể mất đi vĩnh viễn làm thay đổi hiện trạng đa dạng sinh học và có thể không phục hồi. Do đó việc đánh giá đa dạng các loài LCBS ở khu vực này là hết sức cấp thiết. Bài báo này cung cấp những dẫn liệu về thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở vùng đệm Bạch Mã thuộc xã Hương Lộc, huyện Nam Đông nhằm bổ sung dữ liệu cho Bạch Mã phục vụ cho công tác quản lý và bảo tồn các loài.

2. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Một đợt khảo sát được tiến hành từ ngày 30/4–04/5/2016 tại vùng đệm Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế dọc theo tuyến đường cao tốc La Sơn - Túy Loan trên địa phận xã Hương Lộc (hình 1).



Hình 1. Bản đồ các tuyến và điểm khảo sát tại khu vực nghiên cứu (xem chú giải trong bản đồ)

T1: tuyến khảo sát từ 30/4 – 01/5/2017 (từ 16°08'21, 107°47'28 - 16°08'58, 107°47'43); **T2:** tuyến khảo sát từ ngày 02/5/2017 (16°08'00, 107°48'32 – 16°07'06, 107°49'08); **T3:** tuyến khảo sát ngày 03/5/2017 (từ 16°07'26, 107°55;22 – 16°07'59, 107°55'22) ; **T4:** tuyến khảo sát ngày 04/5/2017 (từ 16°0805, 107°47'58 – 16°0800, 107°48'46)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập và quan sát mẫu vật: thu mẫu trực tiếp bằng tay hoặc nhờ bằng gậy bắt rắn; sau đó được chụp ảnh ngoài tự nhiên. Ngoài ra, 01 bể hàng rào (30 m x 1 m) được đặt ven suối trong quá trình khảo sát thực địa để tìm kiếm các loài lưỡng cư và bò sát trong khu vực.

Mẫu vật được giết chết bằng cồn loãng 50–60°, gắn nhãn và cố định trong 24 giờ sau đó bảo quản lâu dài trong cồn 70° tại Phòng Động vật, Khoa Sinh học, Đại học Khoa học, Đại học Huế. Một số mẫu vật quan sát trực tiếp và không thu thập những loài thuộc Sách Đỏ Việt Nam (SĐVN) 2007 [10].

Phòng vấn được thực hiện với các cán bộ Kiểm lâm địa bàn, những người dân và những người dẫn đường trong quá trình điều tra để thu thập thông tin về hoạt động săn bắt, khai thác các loài lưỡng cư, bò sát trong khu vực nghiên cứu.

Định loại mẫu vật: định loại mẫu vật bằng phương pháp so sánh hình thái dựa vào các tài liệu như: Nguyễn Văn Sáng (2007) [9]; Hoàng Xuân Quang và nnk. (2012) [8]; Rowley et al. (2010) [7].

Xác định mức độ quý hiếm, đặc hữu, đe dọa dựa vào SĐVN 2007 [10], Nghị định 32/2006/NĐ-CP (NĐ-32) [1], Danh lục Đỏ IUCN (2016) [4]. Tên loài và mức độ đặc hữu dựa vào Frost (2017) [2], Hoàng Xuân Quang và nnk (2012) [8] và Nguyen et al. (2009) [6].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài LCBS ở vùng rừng xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế

Từ kết quả phân tích mẫu vật và quan sát trực tiếp, xác định có 23 loài lưỡng cư, bò sát thuộc 2 bộ, 10 họ, 21 giống tại vùng đệm Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông (bảng 1) **Bảng 1. Danh sách các loài LCBS ở khu vực nghiên cứu.**

TT (1)	Tên Việt Nam (2)	Tên khoa học (3)	Nguồn (4)	Nơi bắt gặp (5)
A. LỚP LƯƠNG CƯ - AMPHIBIA				
I. BỘ KHÔNG ĐUÔI				
1. Họ Cóc				
1.	Cóc rừng	<i>Ingerophrynus galeatus</i> (Günther, 1864)	A, Q	1, 2, 3, 4
2. Họ Cóc bùn				
2.	Cóc mày bụng cam	<i>Leptolalax cf. croceus</i> Rowley, Hoang, Le, Dau & Cao, 2010	M	2, 3
3.	Cóc núi Hansi	<i>Megophrys hansi</i> (Ohler, 2003)	M	1, 2
3. HọẾch nhái thực				
Dicroglossidae				

Kết quả khảo sát lưỡng cư, bò sát ở vùng đệm Vườn Quốc gia Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông. ...

4.	Nhái, ngóe	<i>Fejevaria limmocharis</i> (Gravenhost, 1829)	A	1, 2, 3, 4
5.	Ếch Poilan	<i>Limnonectes poilani</i> (Bourret, 1942)	M	1, 2, 3
	4. Họ Ếch nhái	Ranidae		
6.	Ếch attigua	<i>Sylvirana attigua</i> (Inger, Orlov & Darevsky, 1999)	M	1, 2, 3, 4
7.	Ếch suối	<i>Sylvirana nigrovittata</i> (Blyth, 1856)	M	1, 2, 3, 4
8.	Ếch mô rap kai	<i>Odorrana morafkai</i> (Bain, Lathrop, Murphy, Orlov & Ho, 2003)	M	1, 4
	5. Họ Ếch cây	Rhacophoridae		
9.	Nhái cây bà nà	<i>Kurixalus banaensis</i> Bourret, 1939	M	1, 3, 4
10.	Ếch cây Robertinger	<i>Rhacophorus robertingeri</i> Orlov, Poyarkov, Vassilieva, Ananjeva, Nguyen, Sang & Geissler, 2012	M	3, 4
11.	Ếch cây trung bộ	<i>Rhacophorus annamensis</i> Smith, 1924	M	1, 2, 3, 4
	II. BỘ CÓ VÂY	B. LỚP BÒ SÁT - REPTILIA		
	6. Họ Nhông	SQUAMATA		
		Agamidae		
12.	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i> Cuvier, 1829	A, Q	1, 2, 3, 4
13.	Ô rô vảy	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier, 1829)	M	2, 3
14.	Thằn lằn bay đốm	<i>Draco maculatus</i> (Gray, 1845)	M	3
	7. Họ Tắc kè	Gekkonidae		
15.	Thằn lằn ngón giả bốn vạch	<i>Cyrtodactylus pseudoquadriovirgatus</i> Rosler, Vu, Nguyen, Ngo & Ziegler, 2008	M	1, 2, 3, 4
	8. Họ Thằn lằn bóng	Scincidae		
16.	Thằn lằn bóng đốm	<i>Eutropis macularia</i> (Blyth, 1853)	M	1, 4
17.	Thằn lằn vạch	<i>Lipinia vittigera</i> (Boulenger, 1894)	Q	1
18.	Thằn lằn tai nam bộ	<i>Tropidophorus cocincinensis</i> Dumeril & Bibron, 1839	M	1, 2, 3
	9. Họ Rắn nước	Colubridae		
19.	Rắn roi thường	<i>Ahaetulla prasina</i> (Reinhardt, 1827)	M	1, 3
20.	Rắn khiếm	<i>Oligodon</i> sp.	M	
21.	Rắn sãi mép trắng	<i>Hebius leucomystax</i> (David, Bain, Nguyen, Orlov, Vogel, Vu & Ziegler, 2007)	M	1, 2, 3
22.	Rắn hổ mây hampton	<i>Pareas hamptoni</i> (Boulenger, 1905)	M	3, 4
	10. Họ Rắn hổ	Elapidae		
23.	Rắn cạp nia nam	<i>Bungarus candidus</i> (Linnaeus, 1758)	M	3

Ghi chú: A: Ảnh chụp; Q: Quan sát; M: Mẫu vật thu được

Cột 5: 1: Tuyển khảo sát 1; 2: Tuyển khảo sát; 3: Tuyển khảo sát 3; 4: Tuyển khảo sát 4

Bảng 1 cho thấy cấu trúc thành phần loài LCBS ở khu vực nghiên cứu như sau: Xét về bậc bộ, trung bình 1 bộ có 5 họ; 10,5 giống và 11,5 loài. Xét về bậc họ, trung bình mỗi họ có 2,1 giống; 2,3 loài. Xét về bậc giống, trung bình mỗi giống có 1,1 loài. Giống đơn loài là chủ yếu, chiếm đến 90,48% tổng số giống, có 2 giống với mỗi giống 02 loài là *Sylvirana* và *Rhacophorus* và cũng là các giống có số loài chiếm ưu thế nhất.

Một số loài được cập nhật lại danh pháp khoa học như *Limnonectes limmocharis* được chuyển sang giống mới với tên khoa học được chấp nhận là *Fejevaria limmocharis*, loài *Rana nigrovittata* được chuyển thành *Sylvirana nigrovittata*, loài *Rhacophorus robertingeri* trước đây được ghi nhận tại Bạch Mã là *R. calcaneus*... Taxon *Oligodon* sp. thu thập tại Hương Lộc bằng 1 mẫu cái, thuộc về nhóm *O. cyclurus* [4] nhưng chưa định danh đến loài do thiếu đặc điểm quan trọng về ngọc hành của cá thể đực.

3.2. Giá trị các loài lưỡng cư, bò sát ở vùng rừng xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, Thừa Thiên Huế

3.2.1. Các loài đặc hữu

Các loài lưỡng cư, bò sát tại vùng đệm Bạch Mã thuộc huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế không những có giá trị về đa dạng sinh học, tham gia vào các chuỗi, lưới thức ăn trong hệ sinh thái mà còn có giá trị khoa học bởi tính đặc hữu của chúng. Trong số các loài LCBS đã phát hiện, tại khu vực nghiên cứu có ba loài đặc hữu của Việt Nam được ghi nhận là cóc mày bụng cam *Leptolalax cf. croceus* (hình 2b), nhái cây bà nà *Kurixalus banaensis* (hình 2g) và ếch cây robertinger *Rhacophorus robertingeri* (hình 2h). Trong 3 loài kể trên, loài cóc mày bụng cam *Leptolalax cf. croceus* đã được ghi nhận trước đó ở khu vực Phú Lộc, hiện tại Bạch Mã là địa điểm thứ 2 ghi nhận loài này ở Việt Nam ngoài địa điểm thu mẫu chuẩn là Ngọc Linh, Kon Tum [3], [7].

3.2.2. Giá trị bảo tồn

Trong tổng số 23 loài LCBS đã phát hiện ở khu vực nghiên cứu có đến 12 loài (chiếm 52,17% tổng số loài ghi nhận) được xếp vào các cấp độ bảo tồn khác nhau. Danh mục các loài xem bảng 2 dưới đây.

Bảng 2. Các loài LCBS được đánh giá mức độ bảo tồn ghi nhận ở vực nghiên cứu.

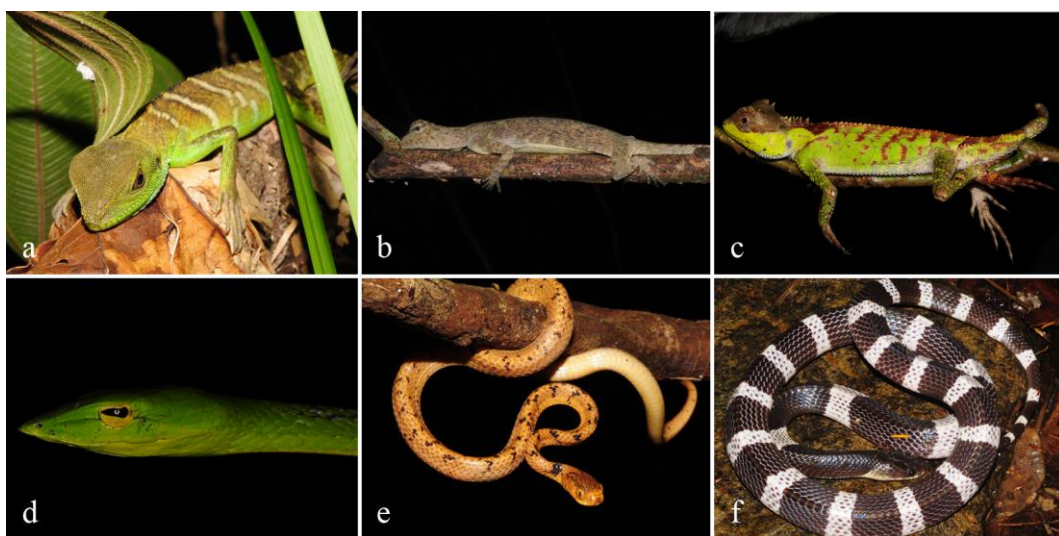
STT	Tên loài	SĐVN, 2007	IUCN, 2016	NĐ-32
1	Cóc rừng - <i>Ingerophrynus galeatus</i>	VU	LC	
2	Ếch poilan - <i>Limnonectes poilani</i>		LC	
3	Ếch attigua - <i>Sylvirana attigua</i>		VU	
4	Ếch suối - <i>Sylvirana nigrovittata</i>		LC	
5	Ếch mô rap kai - <i>Odorrana morafkai</i>		LC	
6	Ếch cây Trung bộ - <i>Rhacophorus annamensis</i>		VU	
7	Rồng đất - <i>Physignathus cocincinus</i>	VU		
8	Ô rô vảy - <i>Acanthosaura lepidogaster</i>		LC	
9	Thằn lằn bay đốm - <i>Draco maculatus</i>		LC	
10	Rắn roi thường - <i>Ahaetulla prasina</i>		LC	
11	Rắn hổ mây Hampton - <i>Pareas hamptoni</i>		LC	
12	Rắn cạp nia nam - <i>Bungarus candidus</i>		LC	IIB

Ghi chú: IUCN, SĐVN: VU: sắp nguy cấp; NT: sắp bị đe dọa; LC: ít lo ngại; NĐ-32: IIB: hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.



Hình 2. Các loài lưỡng cư đặc hữu (b, g, h) và được đánh giá mức độ bảo tồn (các hình khác) ghi nhận tại khu vực nghiên cứu: a, *Ingerophrynus galeatus*; b, *Leptolalax* cf. *croceus*; c, *Limnonectes poilani*; d, *Sylvirana attigua*; e, *S. nigrovittata*; f, *Odorrana morafkai*; g, *Kurixalus banaensis*; h, *Rhacophorus robertingeri*; i, *Rhacophorus annamensis*.

Qua bảng 2 cho thấy: trong SĐVN 2007 có 2 loài ở mức VU là cóc rừng (*Ingerophrynus galeatus*, hình 2a) và rồng đất (*Physignathus cocincinus*, hình 3a). Đáng lưu ý là rồng đất đang bị săn bắt nhiều phục vụ cho mục đích làm thực phẩm hay nuôi cảnh đang diễn ra phổ biến. Có 01 loài được liệt kê vào nhóm IIB, nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm là loài rắn cạp nia nam (*Bungarus candidus*, hình 3f), đây là loài rắn độc và thường bị săn bắt làm thuốc đông y (ngâm rượu). Có 11 loài được đánh giá mức độ bảo tồn trong Danh lục Đỏ IUCN (2016) gồm 02 loài ở mức VU là ếch attigua (*Sylvirana attigua*, hình 2d) và ếch cây trung bộ (*Rhacophorus annamensis*, hình 2i) và 09 loài được đánh giá là không đáng lo ngại (mức LC, hình 2,3).



Hình 3. Các loài bò sát được đánh giá mức độ bảo tồn ghi nhận tại khu vực nghiên cứu: a, *Physignathus cocincinus*; b, *Acanthosaura lepidogaster*; c, *Draco maculatus*; d, *Ahaetulla prasina*; e, *Pareas hamptoni*; f, *Bungarus candidus*

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Đã xác định tại vùng đệm VQG Bạch Mã thuộc xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế có 23 loài LCBS thuộc 2 bộ, 10 họ, 21 giống. Đây là công bố đầu tiên về LCBS cho vùng nghiên cứu.

Vùng nghiên cứu có 3 loài đặc hữu của Việt Nam là mỳ bụng cam *Leptolalax cf. croceus*, nhái cây bà nà *Kurixalus banaensis* và ếch cây Robertinger *Rhacophorus robertingeri*. Bạch Mã là địa điểm thứ 2 ghi nhận loài *Leptolalax cf. croceus* ở Việt Nam.

Trong tổng số 23 loài LCBS được ghi nhận thì có 12 loài (chiếm 52,17% số lượng loài) được xếp vào các cấp độ bảo tồn khác nhau. Trong đó, thuộc Sách đỏ Việt Nam (2007) có 2 loài ở mức VU (*Ingerophrynus galeatus* và *Physignathus cocincinus*); 1 thuộc phụ lục IIB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP là *Bungarus candidus*. Có 11 loài trong danh lục Đỏ IUCN (2016) gồm 2 loài ở mức VU (*Sylvirana attigua* và *Rhacophorus anamensis*); 9 loài ở mức LC (*Ingerophrynus galeatus*, *Limnonectes poilani*, *Sylvirana nigrovittata*, *Odorrana morafkai*, *Acanthosaura lepidogaster*, *Draco maculatus*, *Ahaetulla prasina*, *Pareas hamptoni* và *Bungarus candidus*).

4.2. Kiến nghị

Kết quả trên chưa thể hiện hết đa dạng sinh học ở xã Hương Lộc, huyện Nam Đông. Do đó cần tiếp tục điều tra mở rộng về không gian, thời gian để phát hiện đầy đủ hơn nữa thành phần loài lưỡng cư, bò sát ở đây.

Kết quả khảo sát lưỡng cư, bò sát ở vùng đệm Vườn Quốc gia Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông. ...

Đồng thời cần tiếp tục xây dựng bộ ảnh chuẩn các loài lưỡng cư, bò sát đã phát hiện ở khu vực này, đặc biệt là các loài quý hiếm, đặc hữu để cán bộ kiểm lâm nhận diện, phục vụ cho việc ngăn chặn khai thác cũng như áp dụng chế tài xử phạt, cứu hộ kịp thời góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo VQG Bạch Mã tạo điều kiện cho phép khảo sát thực địa. Trạm kiểm lâm Hương Lộc đã tạo điều kiện nơi lưu trú và hỗ trợ thực địa; nhóm sinh viên Khoa Sinh học, ĐHKH Huế (Khóa 36–38) đã hỗ trợ khảo sát thực địa; Nguyễn Thành Luân (Chương trình bảo tồn rùa châu Á-ATP) đã hỗ trợ khảo sát thực địa và góp ý cho bản thảo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2006). Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.
- [2]. D. R. Frost (2017), Amphibian Species of the World: an Online Reference. Version 6.0. Electronic Database accessible at <http://research.amnh.org/herpetology/amphibia/index.html>, American Museum of Natural History, New York, USA.
- [3]. Nguyễn Thành Luân, Võ Đình Ba, Lê Văn Mạnh và Nguyễn Ngọc Sang (2016). Thành phần giống Cóc mây *Leptotalax* (Anura: Megophryidae) ở Vườn quốc gia Bạch Mã, *Báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát ở Việt Nam, lần Thứ ba*, Hà Nội, tr. 84-91.
- [4]. IUCN (2016), The IUCN Red List of Threatened Species. Version 2016-3. <http://www.iucnredlist.org>, truy cập ngày 2 tháng 8 năm 2017.
- [5]. S. N. Nguyen, L. T. Nguyen, V. D. H. Nguyen, H. T. Phan, K. Jiang & R. W. Murphy (2017). A new species of the genus *Oligodon* Fitzinger, 1826 (Squamata: Colubridae) from Cu Lao Cham Islands, central Vietnam, *Zootaxa*, 4286(3), tr. 333-346.
- [6]. S. V. Nguyen, T. C. Ho & T. Q. Nguyen (2009). “*Herpetofauna of Vietnam*”, Edition chimaira, frankfurt am Main, 768 trang.
- [7]. J. J. Rowley, H.D.Hoang, D.T.T Le, V. Q. Dau. & T. T. Cao (2010). A new species of *Leptotalax* (Anura: Megophryidae) from Vietnam and further information on *Leptotalax tuberosus*, *Zootaxa*, 2660, tr. 33-45.
- [8]. Hoàng Xuân Quang, Hoàng Ngọc Thảo và Ngô Đắc Chứng (2012), “*Ếch nhái, Bò sát ở VQG Bạch Mã*”, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Văn Sáng (2007). “*Động vật chí Việt Nam, Phân bộ rắn*”, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 247 trang.

- [10]. Đặng Ngọc Thanh, Trần Kiên, Đặng Huy Huỳnh, Nguyễn Cử, Nguyễn Nhật Thi, Nguyễn Huy và Đặng Thị Đáp (2007). “Sách Đỏ Việt Nam. Phần 1. Động vật”, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 515 trang.

RESULTS OF THE SURVEY ON REPTILES AND AMPHIBIANS IN THE BUFFER AREA OF BACH MA NATIONAL PARK, HUONG LOC COMMUNE, NAM DONG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Vo Dinh Ba*, Le Van Manh, Tran Trong

Faculty of Biology, University of Sciences, Hue University

*Email: vodinhba@yahoo.com

ABSTRACT

Based on the field trip conducted from 30 April to 4 May 2016 in the buffer area of Bach Ma National Park, Huong Loc Commune, Nam Dong District, Thua Thien Hue Province, we reported the result of 23 species of amphibians and reptiles belonging to 10 families, 21 genera for the area. Of which, 12 species (representing 52.17%) are accessed in different levels of conservation status (two species are listed the Vietnam Red Data Book 2007; one species is listed in Appendix IIB of Decree 32/ND-CP 2006, and nine species listed in the IUCN Red List 2016); and three species are endemic for Vietnam herpetofauna were recorded in this area including *Leptotalax cf. croceus*, *Kurixalus banaensis*, and *Rhacophorus robertingeri*. Additional studies are necessary in order to access the effect of road construction activities to amphibians and reptiles in this area.

Keywords: Amphibians, Bach Ma National park, Endemic species, Nam Dong District, Reptiles.



Võ Đình Ba sinh ngày 12/12/1978 tại Phú Yên. Năm 2000, ông tốt nghiệp cử nhân sinh học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Năm 2006, ông tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành động vật học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ 2003 đến nay, ông là giảng viên tại cơ sở đào tạo nói trên.

Lĩnh vực nghiên cứu: côn trùng, lưỡng cư, bò sát.

Kết quả khảo sát lưỡng cư, bò sát ở vùng đệm Vườn Quốc gia Bạch Mã, xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, ...



Lê Văn Mạnh sinh ngày 10/3/1994 tại Nghệ An. Năm 2017, ông tốt nghiệp cử nhân sinh học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hiện là học viên cao học tại trường Đại học sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Lĩnh vực nghiên cứu: lưỡng cư, bò sát.



Trần Trọng sinh ngày 07/02/1994 tại Quảng Nam. Năm 2016, ông tốt nghiệp cử nhân sinh học tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Từ 2016 đến nay, ông công tác tại Viện kỹ thuật biển.

Lĩnh vực nghiên cứu: lưỡng cư, bò sát.